

ICM, ĐC Lái

CCPTNT, VPNTM

-ĐC Huy, Ng

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LAI CHÂU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

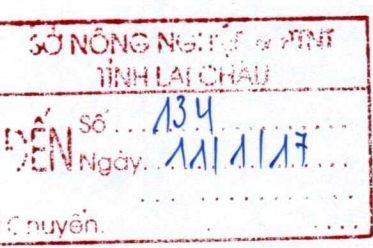
Số: 1868/QĐ-UBND

Lai Châu, ngày 29 tháng 12 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

**Phân bổ chi tiết nguồn vốn bổ sung thực hiện các
Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LAI CHÂU



Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Quyết định số 2447/QĐ-TTg ngày 14 tháng 12 năm 2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán bổ sung từ ngân sách trung ương thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016;

Căn cứ Nghị quyết số 60/2016/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Liên ngành: Sở Kế hoạch và Đầu tư - Sở Tài chính tại Tờ trình số 1616/TTrLN:SKHĐT-STC ngày 28/12/2016; Sau khi thống nhất với Thường trực HĐND tỉnh tại Văn bản số 552/HĐND-VP ngày 29/12/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phân bổ chi tiết nguồn vốn bổ sung thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016 cụ thể như sau:

1. Tổng vốn phân bổ: 17.416 triệu đồng. Trong đó:
 - Vốn đầu tư: 12.762 triệu đồng.
 - Vốn sự nghiệp: 4.654 triệu đồng.

(Có các biểu chi tiết kèm theo)

2. Nguồn vốn: Trung ương bổ sung có mục tiêu thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2016 được giao tại Quyết định số 2447/QĐ-TTg ngày 14/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

Điều 2. Căn cứ kế hoạch vốn được giao, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, UBND các huyện và các đơn vị có liên quan tổ chức thực hiện, quản lý và thanh toán nguồn vốn theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Trưởng Ban Dân tộc tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TT. HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTN (02 bản).



CHỦ TỊCH

Đỗ Ngọc An

Biểu số 01

BIỂU TỔNG HỢP PHÂN BỐ NGUỒN VỐN BỔ SUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC
TIÊU QUỐC GIA NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)



ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn/chương trình, dự án	Kế hoạch vốn bổ sung năm 2016	Ghi chú
	TỔNG SỐ	17.416	
I	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	15.916	
1	Nguồn vốn đầu tư	12.762	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện
	- Chương trình 30a	7.002	Chi tiết biểu số 02
	- Chương trình 135	5.760	
2	Nguồn vốn sự nghiệp	3.154	
	- Chương trình 135	3.104	Chi tiết biểu số 03
	- Truyền thông về giảm nghèo	50	Giao dự toán về Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
II	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới (vốn sự nghiệp)	1.500	Chi tiết biểu số 04

BIỂU PHÂN BỐ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN BỔ SUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG GIẢI PHÓNG BÀN VÙNG NĂM 2016

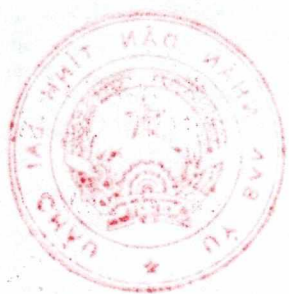
(Kèm theo Quyết định số 1868 QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án				Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được duyệt			
						Tổng số	Trong đó		
						Vốn NSTW	Vốn NSDP		
	TỔNG SỐ					214.624	214.624	-	12.762
A	CHƯƠNG TRÌNH 30A					82.850	82.850	-	7.002
I	Huyện Than Uyên					34.200	34.200	-	1.083
	<i>Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2016</i>					<i>14.200</i>	<i>14.200</i>	<i>-</i>	<i>882</i>
1	Nâng cấp đường GTNT bản Mùi đi Hua Đán	Xã Khoen On	7,1km	15-17	1399/30.10.14	14.200	14.200	-	882
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>					<i>20.000</i>	<i>20.000</i>	<i>-</i>	<i>201</i>
2	Nâng cấp đường GTNT bản Mờ đi Noong Quang Xã Khoen On	Xã Khoen On	8,2 km	16-18	87/ 28.10.16	20.000	20.000	-	201
II	Huyện Tân Uyên					8.800	8.800	-	1.053
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>					<i>8.800</i>	<i>8.800</i>	<i>-</i>	<i>1.053</i>
1	Trường tiểu học bản Mường	Xã Thân Thuộc	12 phòng	16-18	85/ 28.10.16	8.800	8.800	-	1.053
III	Huyện Phong Thổ					15.810	15.810	-	1.268
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>					<i>15.810</i>	<i>15.810</i>	<i>-</i>	<i>1.268</i>
1	Thủy lợi bản Van Hồ 2	Xã Nậm Xe	22 ha	16-17	2701/28.10.16	3.500	3.500	-	200
2	Cầu treo bản Mỏ	Xã Nậm Xe	70m	16-17	2702/28.10.16	3.350	3.350	-	200
3	Ngầm tràn bản Sòn Thầu I	Xã Ma Ly Pho	37 m	16-17	2703/28.10.16	360	360	-	54
4	Nâng cấp đường GTNT QL12 - bản Thèn Sin	Xã Ma Ly Pho	3,4 km	16-17	2704/28.10.16	4.900	4.900	-	224
5	NC Đường từ TL 132 đến Bản Má ghé	Xã Bản Lang	1,4 km	16-17	2705/28.10.16	2.100	2.100	-	335
6	Thủy lợi bản Gia Khâu I	Xã Si Lở Lầu	10 ha	16-17	2706/28.10.16	1.600	1.600	-	255
IV	Huyện Sìn Hồ					7.900	7.900	-	1.268
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>					<i>7.900</i>	<i>7.900</i>	<i>-</i>	<i>1.268</i>
1	Đường tỉnh lộ 129- Can Tỷ II	Xã Ma Quai	2,4 km	16-17	1249/27.10.16	4.900	4.900	-	768
2	Đường từ TT xã đến bản Nậm Kinh	Xã Nậm Tăm	1,8 km	16-17	1248/27.10.16	3.000	3.000	-	500
V	Huyện Nậm Nhùn					11.190	11.190	-	1.124
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>					<i>11.190</i>	<i>11.190</i>	<i>-</i>	<i>1.124</i>
1	Nâng cấp thủy lợi Nậm Vạc 1	Xã Nậm Ban	24 ha	16-17	1368/28.10.16	4.190	4.190	-	744
2	Nâng cấp thủy lợi Nậm Vạc 2	Xã Nậm Ban	21 ha	16-18	88/ 28.10.16	7.000	7.000	-	380
VI	Huyện Mường Tè					4.950	4.950	-	1.206
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>					<i>4.950</i>	<i>4.950</i>	<i>-</i>	<i>1.206</i>
1	Phụ trợ trường TH xã Pa Ủ	Xã Pa Ủ	Phụ trợ	16-17	2135/28.10.16	4.950	4.950	-	1.206
B	CHƯƠNG TRÌNH 135					131.774	131.774	-	5.760
I	Huyện Than Uyên					11.557	11.557	-	485
	<i>Các dự án khởi công mới năm 2016</i>					<i>11.557</i>	<i>11.557</i>	<i>-</i>	<i>485</i>
1	Thủy lợi Phiêng May - Cấp Na 2 xã Tà Hừa	Xã Tà Hừa	8ha	16-17	2734/28.10.16	1.150	1.150	-	67
2	Đường giao thông bản Tà Mung đi bản Càng Kéo xã Tà Mung	Xã Tà Mung	0,75km	16-17	2736/28.10.16	1.500	1.500	-	82
3	Đường GTNT lên khu giãn dân bản Mỹ xã Ta Gia	Xã Ta Gia	1,2km	16-17	2737/28.10.16	1.500	1.500	-	81

STT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn bổ sung (NSTW)	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được duyệt			
						Tổng số	Trong đó		
						Vốn NSTW	Vốn NSDP		
4	Trường tiểu học số 2 Khoen On	Xã Khoen On	4 phòng	16-17	2738/28.10.16	2.907	2.907		95
5	Kè Phai bản Mường xã Mường Kim	Xã Mường Kim	150 m	16-17	2739/28.10.16	1.500	1.500		94
6	Nâng cấp đường GT từ trung tâm xã đi bản Pá Khoang xã Pha Mu	Xã Pha Mu	5,5km	16-17	2740/28.10.16	3.000	3.000		66
II	Huyện Tân Uyên					8.344	8.344	-	364
	Các dự án khởi công mới năm 2016					8.344	8.344	-	364
1	Nâng cấp thủy lợi Phiêng Săn	Xã Mường Khoa	40ha	16-17	1905/28.10.16	1.544	1.544		83
2	Thủy lợi Na Co Săn	Xã Nậm Cắn	30ha	16-17	1906/28.10.16	4.000	4.000		81
3	Nâng cấp thủy lợi Nậm Cắn	Xã Nậm Sỏ	13ha	16-17	1907/28.10.16	600	600		117
4	Thủy lợi bản Thảo A	Xã Hố Mít	30ha	16-17	1908/28.10.16	2.200	2.200		83
III	Huyện Tam Đường					18.850	18.850	-	896
	Các dự án khởi công mới năm 2016					18.850	18.850	-	896
1	Đường giao thông liên bản Sùng Phái - Cấn cầu xã Sùng Phái, huyện Tam Đường	Xã Sùng Phái	1,786 km	16-17	1994/26.10.16	3.950	3.950		152
2	Đường giao thông liên bản Lũng Than Trung Chải - Phìn Ngan Lao Chải xã Tả Lèng, huyện Tam Đường	Xã Tả Lèng	2,386km	16-17	1995/26.10.16	4.950	4.950		219
3	Đường giao thông nội đồng bản Thèn Sin xã Thèn Sin, huyện Tam Đường	Xã Thèn Sin	1,253km	16-17	1996/26.10.16	3.350	3.350		153
4	Điểm trường mầm non Ma Sao Phìn xã Khun Há, huyện Tam Đường	Xã Khun Há	phụ trợ	16-17	1998/26.10.16	4.500	4.500		217
5	Đường giao thông Phan Chu Hoa - Bản Đông xã Nùng Nàng, huyện Tam Đường	Xã Nùng Nàng	1,025km	16-17	1997/26.10.16	2.100	2.100		155
IV	Huyện Phong Thổ					27.785	27.785	-	982
	Các dự án khởi công mới năm 2016					27.785	27.785	-	982
1	Đường từ TL 132 đến Bản Giao Chăn	Xã Bản Lang	1,1 km	16-17	2707/28.10.16	1.500	1.500		102
2	Nhà lớp học tiểu học trường tiểu học Vừ A Dính	Xã Đào San	3 phòng	16-17	2708/28.10.16	1.000	1.000		99
3	Thủy lợi Làn Đào Thầu	Xã Tung Qua Lin	14 ha	16-17	2709/28.10.16	2.000	2.000		74
4	Nhà văn hóa xã Pa Vây Sừ	Xã Pa Vây Sừ	80m2	16-17	2710/28.10.16	740	740		74
5	Thủy lợi Tả Ô	Xã Vàng Ma Chải	5,5 ha (2 vụ)	16-17	2711/28.10.16	1.300	1.300		71
6	Thủy lợi bản Thà Giàng I	Xã Si Lở Lầu	13 ha	16-17	2712/28.10.16	3.000	3.000		71
7	Nâng cấp đường GTNT TT xã di Mù Sang Cao (giai đoạn II)	Xã Mù Sang	2,5 Km	16-17	2713/28.10.16	5.000	5.000		102
8	Cầu treo Chàng Phàng	Xã Sín Súi Hồ	45m	16-17	2714/28.10.16	2.400	2.400		73
9	Trường PTDTBT THCS xã Nậm Xe	Xã Nậm Xe	6 phòng + phụ trợ	16-17	2715/28.10.16	3.045	3.045		87
10	Trường tiểu học Lê Văn Tám xã Huổi Luông	Xã Huổi Luông	6 phòng + phụ trợ	16-17	2716/28.10.16	3.200	3.200		85
11	Trường tiểu học TT xã	Xã Mỏ Si San	03 phòng + phụ trợ	16-17	2717/28.10.16	1.500	1.500		73
12	Đường GTNT Km8 QL12 - bản Sòn Thầu I	Xã Ma Ly Pho	3,4 km	16-17	2718/28.10.16	3.100	3.100		71
V	Huyện Sìn Hồ					34.488	34.488	-	1.434
	Các dự án khởi công mới năm 2016					34.488	34.488	-	1.434
1	Thủy lợi Sang Sông Hồ	Xã Lăng Mỏ	60 ha	16-17	1287/28.10.16	2.592	2.592		122

STT	Dự án	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư dự án			Kế hoạch vốn bổ sung (NSTW)	Ghi chú
					Số, ngày, tháng, năm	Tổng mức đầu tư được duyệt			
						Tổng số	Trong đó		
							Vốn NSTW	Vốn NSDP	
2	Thủy lợi Nậm Kỳ thuộc bản Thà Giăng Chải	Xã Tả Ngáo	11 ha	16-17	1286/28.10.16	2.643	2.643		142
3	Thủy lợi Há Khua sang Trung Ma	Xã Xả Dề Phìn	20 ha	16-17	1287/28.10.16	2.192	2.192		51
4	NC thủy lợi Hắt Hơ	Xã Xả Dề Phìn	11,9ha	16-17	1288/28.10.16	1.092	1.092		51
5	Đường từ bản Suối Tổng - bản Liều Chải	Xã Tả Phìn	2,6 km NTC	16-17	1289/27.10.16	3.000	3.000		142
6	Đường Xả Chải - Ma Quai	Xã Hồng Thu	1,4 km NTC	16-17	1285/28.10.16	3.000	3.000		143
7	NLH tiểu học 4 phòng bản Lùng Cù	Xã Lùng Thàng	Cấp IV 2 tầng	16-17	1290/28.10.16	2.450	2.450		98
8	Thủy lợi bản Na Hua Bản	Xã Ma Quai	15ha	16-17	1253/27.10.16	2.298	2.298		50
9	Thủy lợi bản Na Hi	Xã Ma Quai	13 ha	16-17	1251/27.10.16	1.324	1.324		50
10	Đường vào bản Phiêng Phai	Xã Pa Khóa	1,1 km NTC	16-17	1282/28.10.16	1.516	1.516		58
11	NC thủy lợi bản Phiêng Ến	Xã Pa Khóa	20ha	16-17	1255/27.10.16	1.156	1.156		44
12	Thủy lợi Noong Om 2	Xã Noong Hèo	21 ha	16-17	1252/27.10.16	1.152	1.152		71
13	Đường ngã ba Phiêng Trạng-Na Sái	Xã Noong Hèo	1,1 km NTC	16-17	1281/28.10.16	1.800	1.800		71
14	Thủy lợi Seo Phìn	Xã Nậm Cha	31 ha	16-17	1254/27.10.16	2.773	2.773		100
15	Đường GT từ bản Nậm Phìn 2-Nậm Phìn I	Xã Cấn Co	1,2 km NT C	16-17	1283/28.10.16	3.000	3.000		100
16	Đường từ trung tâm Xã đến bản Đo Luông	Xã Nậm Hân	0,817km NTC	16-17	1250/27.10.16	2.500	2.500		141
VI	Huyện Nậm Nhùn					16.800	16.800	-	631
	Các dự án khởi công mới năm 2016					16.800	16.800	-	631
1	Đường vào trường tiểu học, Mầm non và trạm y tế xã Nậm Pi	Xã Nậm Pi	0,619 km	16-17	1370/28.10.16	1.800	1.800		180
2	Thủy lợi Trung Chải I	Xã Trung Chải	20 ha	16-17	1369/28.10.16	5.000	5.000		151
3	Nâng cấp Đường GT đến bản Huổi Đạo	Xã Nậm Chả	4,2 km	16-17	1372/28.10.16	5.000	5.000		152
4	Đường Phiêng Luông - Huổi Pét xã Nậm Hàng	Xã Nậm Hàng	2,1 km	16-17	1371/28.10.16	5.000	5.000		148
VII	Huyện Mường Tè					13.950	13.950	-	968
	Các dự án khởi công mới năm 2016					13.950	13.950	-	968
1	NLH tiểu học bản Mù Cá, (trung tâm xã)	Xã Mù Cá	06 Phòng	16-17	2128/28.10.16	5.000	5.000		142
2	Phụ trợ trường tiểu học xã Thu Lùm huyện Mường Tè	Xã Thu Lùm	phụ trợ	16-17	2129/28.10.16	800	800		118
3	Thủy lợi Huổi Hang, xã Vàng San, huyện Mường Tè	Xã Vàng San	5 ha	16-17	2148/28.10.16	1.300	1.300		118
4	Nhà bán trú trường tiểu học số 2 xã Ka Lăng, huyện Mường Tè	Xã Ka Lăng	06 phòng	16-17	2130/28.10.16	1.900	1.900		164
5	Nâng cấp thủy lợi Huổi Khu, xã Nậm Khao, huyện Mường Tè	Xã Nậm Khao	25 ha	16-17	2149/28.10.16	950	950		118
6	Thủy lợi Pá Hạ, xã Pa Vệ Sủ, huyện Mường Tè	Xã Pa Vệ Sủ	10 ha	16-17	2147/28.10.16	3.000	3.000		166
7	Hạng mục phụ trợ trường Mầm non xã Bum Tở huyện Mường Tè	Xã Bum Tở	Phụ trợ	16-17	2133/28.10.16	1.000	1.000		142



Biểu số 03

**BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP BỔ SUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTOG
GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG - HỖ TRỢ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CHƯƠNG TRÌNH 135 NĂM 2016**

(Kèm theo Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban UBND tỉnh)

Đơn vị: Ngà đồng

STT	Huyện, thành phố	Kế hoạch vốn sự nghiệp bổ sung	Ghi chú
	Tổng số	3.104	
1	Than Uyên	261	Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện
2	Tân Uyên	196	
3	Tam Đường	483	
4	Phong Thổ	529	
5	Sìn Hồ	773	
6	Nậm Nhùn	340	
7	Mường Tè	522	



Biểu số 04

BIỂU PHÂN BỐ VỐN SỰ NGHIỆP BỔ SUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MTQG XÂY
DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2016

(Kèm theo Quyết định số 1868/QĐ-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2016 của Chủ tịch UBND tỉnh)



STT	Huyện, xã	Kế hoạch vốn sự nghiệp bổ sung	Ghi chú
	Tổng số	1.500	
1	Huyện Sìn Hồ	300	
	- Xã Nậm Tăm		
2	Huyện Than Uyên	300	
	- Xã Hua Nà		
3	Huyện Tân Uyên	300	
	- Xã Pắc Ta		
4	Huyện Mường Tè	300	
	- Xã Bóm Nưa		
5	Huyện Nậm Nhùn	300	
	- Xã Mường Mô		

Bổ sung có mục tiêu cho ngân sách huyện

Ghi chú:

- Hỗ trợ các xã đạt trên 15 tiêu chí phần đầu hoàn thành mục tiêu xây dựng nông thôn mới (05 xã)
- Định mức hỗ trợ: 300 triệu đồng/ xã
- Nội dung hỗ trợ: Ưu tiên lựa chọn các nội dung hỗ trợ sau:
 - + Bảo vệ môi trường nông thôn: Làm nhà vệ sinh hộ gia đình, nhà vệ sinh nhà văn hóa, bổ sung dụng cụ thu gom rác thải nông thôn.
 - + Duy tu, bảo dưỡng các công trình đã được đầu tư.
 - + Phát triển hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao.

